

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI HẠN MỨC CHÀO BÁN
CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM**

Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh thông báo thay đổi hạn mức chào bán chứng quyền có bảo đảm của các mã chứng khoán cơ sở như sau:

STT	Mã CKCS	Hạn mức chào bán cũ	Hạn mức chào bán mới
1	ACB	353.134.551	344.100.912
2	TPB	112.034.283	111.229.734

Như vậy danh sách cổ phiếu đáp ứng điều kiện là chứng khoán cơ sở của chứng quyền có bảo đảm và hạn mức còn được phép chào bán được áp dụng từ ngày 23/05/2025 như sau:

STT	Mã chứng khoán	Khối lượng cổ phiếu lưu hành	Tổng số cổ phiếu tự do chuyển nhượng	Tổng hạn mức chào bán	Hạn mức chào bán còn lại
1	ACB	4.466.657.912	3.990.512.178	399.051.217	344.100.912
2	FPT	1.481.330.122	1.193.211.413	119.321.141	99.846.126
3	HDB	3.495.060.732	2.559.432.974	255.943.297	250.193.297
4	HPG	6.396.250.200	3.475.082.733	347.508.273	248.208.274
5	LPB	2.987.282.100	2.702.892.844	270.289.284	257.621.545
6	MBB	6.102.272.659	3.275.089.736	327.508.973	242.490.376
7	MSN	1.438.351.617	730.394.951	73.039.495	48.585.924
8	MWG	1.478.933.209	1.086.572.228	108.657.222	77.540.556
9	SHB	4.065.250.816	3.350.579.722	335.057.972	319.565.462
10	SSB	2.845.000.000	1.778.978.500	177.897.850	174.647.850
11	SSI	1.961.872.450	1.359.185.233	135.918.523	135.918.523
12	STB	1.885.215.716	1.804.905.526	180.490.552	113.573.886

STT	Mã chứng khoán	Khối lượng cổ phiếu lưu hành	Tổng số cổ phiếu tự do chuyển nhượng	Tổng hạn mức chào bán	Hạn mức chào bán còn lại
13	TCB	7.064.851.739	4.249.508.321	424.950.832	376.467.499
14	TPB	2.641.956.196	1.278.706.798	127.870.679	111.229.734
15	VHM	4.107.412.004	1.023.977.812	102.397.781	58.233.496
16	VIB	2.979.127.815	2.003.761.368	200.376.136	138.987.777
17	VIC	3.823.661.561	1.058.771.886	105.877.188	83.360.522
18	VJC	541.611.334	286.566.556	28.656.655	27.123.322
19	VNM	2.089.955.445	735.664.316	73.566.431	48.890.652
20	VPB	7.933.923.601	3.955.854.307	395.585.430	284.794.873
21	VRE	2.272.318.410	899.610.858	89.961.085	21.461.085